TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2021/DS-ST
Ngày: 14/5/2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà: Nguyễn Thị Tài
Bà: Lê Thị Sáu
Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Vũ
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Hồng – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 134/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tiến M, sinh năm 1971 và chị Cao Thị Lệ Diệp, sinh năm 1969. Địa chỉ: Tổ 10, Thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hồ Thị P, sinh năm 1975. Địa chỉ: 161A Nguyễn Văn Cừ, Lộc Sơn, Bảo Lộc, Lâm Đồng. *Có mặt*

(Văn bản ủy quyền ngày 06/8/2020)

Bị đơn: Anh Tiêu Đình H, sinh năm 1972 và chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn 1, xã Lộc Ngãi, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. *Anh H vắng mặt, chị T có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn trình bày: Ngày 01/02/2016 vợ chồng anh M, chị Diệp cho vợ chồng chị T vay số tiền 500.000.000đ, thỏa Tận lãi 3%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay mua đất, khi vay chị T nhận tiền và viết giấy nhận nợ. Ngày 25/01/2017 chị T trả 260.000.000đ, ngày 04/01/2019 chị T trả tiếp số tiền 50.000.000đ. Nay nguyên đơn yêu cầu vợ chồng chị T trả 500.000.000đ x lãi 1,67%/tháng = 8.350.000đ, lãi tính từ ngày 01/02/2016 đến ngày 01/8/2020 là 61 tháng x 8.350.000đ = 509.350.000đ. Cộng gốc + lãi là 1.009.350.000, trừ số tiền đã trả 310.350.000đ, số tiền còn phải trả 699.000.000đ.

Bị đơn trình bày: Ngày 01/02/2016 vợ chồng chị T có vay của nguyên đơn số tiền là 500.000.000đ, lãi suất hai bên thỏa Tận là 3%/tháng, tiền lãi tính đến ngày 25/01/2017 là 140.000.000đ, cộng gốc và lãi 640.000.000đ. Ngày 25/01/2017 chị T trả cho ông M bà Diệp số tiền gốc là 400.000.000đ, còn nợ lại 240.000.000đ, ngày 04/02/2019 chị T trả cho ông M, bà Diệp số tiền gốc 50.000.000đ, hiện tại vợ chồng chị T chỉ nợ ông M bà Diệp số tiền gốc là và lãi là 190.000.000đ. Nay vợ chồng, ông M và bà Diệp yêu cầu vợ chồng tôi trả số tiền cả gốc và lãi là 699.000.000 đồng, vợ chồng tôi không đồng ý, vợ chồng tôi đồng ý trả cho vợ chồng ông M bà Diệp cả gốc và lãi là 247.535.000 đồng.

Tòa án đã tiến hành H giải giữa các bên đương sự vào ngày 14/01/2021 nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến của mình. Về phía nguyên đơn bổ sung, tính lãi suất 0,83% từ ngày vay đến ngày xét xử là 66 tháng, tiền lãi 273.900.000đ. Cộng gốc và lãi 773.900.000đ, trừ đi gốc 310.000.000đ, còn phải trả 463.900.000đ.

Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Tòa án Bảo Lâm thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình xác minh, T thập chứng cứ, giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng chị T trả cho vợ chồng anh M chị Diệp số tiền 500.000.000đ gốc, lãi 0,83%/tháng, trừ đi số tiền gốc đã trả 310.000.000đ. Ngoài ra Viện kiểm sát còn đề nghị các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Tiêu Đình H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó vụ án được xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vợ chồng anh M chị Diệp có đơn khởi kiện vợ chồng chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng vay tài sản. Do đó xác định quan hệ: "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" là đúng theo qui định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Hiện nay bị đơn vợ chồng chị T trú tại Lộc Ngãi, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng; theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án trên Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 500.000.000đ. Tuy nhiên theo bị đơn trình bày đã trả cho nguyên đơn nhiều lần, hiện chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền gốc và lãi 247.535.000đ; về phía nguyên đơn cho rằng hiện bị đơn còn nợ gốc và lãi với số tiền 463.900.000đ nên dẫn đến tranh chấp.

[3.1] Xét "giấy nhận nợ" lập ngày 01/02/2016 giữa nguyên đơn là vợ chồng anh M chị Diệp và bị đơn là chị Nguyễn Thị T, thể hiện số tiền vay 500.000.000đ,

không ghi lãi suất vay, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay mua đất, bên dưới có chữ ký của chị Nguyễn Thị T. Theo chị T trình bày trong số nợ trên, bị đơn đã trả gốc và lãi cho nguyên đơn nhiều lần, hiện chỉ còn nợ nguyên đơn gốc và lãi với số tiền 247.535.000đ nhưng không có chứng cứ chứng minh.

[3.2] Về phía nguyên đơn không thống nhất với ý kiến của bị đơn và trình bày: Trong số tiền nợ 500.000.000đ, ngày 25/01/2017 bị đơn trả 260.000.000đ, còn nợ lại 240.000.000đ, ngày 04/02/2019 trả 50.000.000đ; chứng cứ nguyên đơn xuất trình là tờ giấy gốc có chữ ký của bị đơn là có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Theo chị T trình bày trong số tiền nợ 500.000.000đ, chị T vay để mua đất, phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt chung của vợ chồng. Trong giấy nhận nợ mặc dù ông H không ký vào giấy nhận nợ nhưng cần xác định ông H có nghĩa vụ chung với chị T để trả số nợ trên.

[4] Về tiền lãi phát sinh: Hiện nay các bên đương sự có tranh chấp về lãi suất, cần tính toán lại cho đúng qui định của pháp luật. Theo qui định tại Điều 468 BLDS 2015 thể hiện:

"1. Lãi suất vay do các bên thỏa Tận.

Trường hợp các bên có thỏa Tận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa Tận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác.

Trường hợp lãi suất theo thỏa Tận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa Tận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ"

Trong giấy vay tiền ngày 01/02/2016 không ghi lãi suất nhưng theo các đương sự trình bày hai bên thỏa Tận lãi suất 3%/tháng là cao, tại tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng là phù hợp với qui định của pháp luật.

Cụ thể: 500.000.000đ x 0,83%/tháng = 4.150.000đ/tháng x 11 tháng 24 ngày = 48.970.000đ.

240.000.000đ x 0,83%/tháng = 1.992.000đ/tháng x 24 tháng 9 ngày = 48.405.600đ.

190.000.000đ x 0,83%/tháng = 1.577.000đ/tháng x 27 tháng 10 ngày = 43.104.800đ.

Cộng gốc và lãi 640.479.000đ, trừ gốc đã trả 310.000.000đ, còn phải trả 330.479.000đ là có căn cứ chấp nhận. Do đó cần bác một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi với số tiền 133.421.000đ là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí, nguyên đơn chỉ phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 275, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng anh M chị Diệp đối với vợ chồng chị Nguyễn Thị T về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".*

- Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị T trả cho vợ chồng anh Nguyễn Tiến M và chị Cao Thị Lệ Diệp số tiền 330.479.000đ *(gốc 190.000.000đ, lãi 140.479.000đ).* Bác một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng anh M chị Diệp về việc yêu cầu chị T trả số tiền 133.421.000đ

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị T nộp số tiền 16.523.950đ án phí dân sự sơ thẩm, vợ chồng anh M chị Diệp nộp số tiền 6.671.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 15.140.000đ tạm ứng án phí theo biên lai T tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2016/0019895 ngày 09/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, hoàn trả cho vợ chồng anh M chị Diệp số tiền 8.469.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án *(hoặc niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã phường nơi cư trú)* để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Sáu **Phan Thị Hà** **Nguyễn Văn Đức**